

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2021/HS-ST

Ngày: 18-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lương Thị Diên

- Ông Hà Hữu Dực

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST- HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 03 năm 2021 đối với bị cáo:

Hà Văn H- Sinh năm 1993 tại xã Th, huyện Q tỉnh T; Nơi cư trú: Bản T, xã Th, huyện Q, tỉnh T;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Hà Văn D (đã chết) và bà Lương Thị B; vợ, con: chưa có

Tiền án: 01: bị cáo Hà Văn H bị Tòa án Nhân dân huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 33/2019 HSST ngày 15/10/2019 Tòa án Nhân dân huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình, đến ngày 04/4/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt; Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ- Công an huyện Quan Hóa. Có mặt

- *Bị hại:* chị Hà Thị Ph - sinh năm 1988. Hiện đang trú tại Bản Th, xã T, huyện Q, tỉnh T (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông Hà Văn Khôi – Trợ giúp viên pháp lý – chỉ nhanh số 1- trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 04 tháng 12 năm 2020 Công an xã Th, huyện Q nhận được tin báo của chị Hà Thị Ph. Sinh năm: 1988. Trú tại: Bản Th, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa. Nội dung tin báo về việc gia đình chị bị kẻ gian trộm cắp ba chiếc nhẫn vàng, vị trí mất trộm vàng là tại ngăn thứ hai, tủ quần áo đặt trong buồng ngủ của chị, trước thời điểm tài sản bị mất tài sản có Hà Văn H (là em họ) đến nhà chơi và xin tiền để tiêu sài nhưng chị Ph không cho.

Khoảng 16h40 phút ngày 06/12/2020 Hà Văn H đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Hóa để đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản là ba chiếc nhẫn vàng của gia đình chị Ph.

Quá trình điều tra tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Hóa Hà Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 15h00 phút ngày 04 tháng 12 năm 2020 H đi bộ đến chơi nhà chị họ là Hà Thị Ph. Sinh năm: 1988. Trú tại: Bản Th, xã T, huyện Q, thấy chị Ph đang ở nhà H hỏi: “Chị có tiền không cho em xin mấy chục nghìn”. Chị Ph trả lời: “Không có”. Sau đó chị Ph đi xuống bếp nấu cơm cho gia đình, còn một mình H ở trên nhà của chị Ph.

Lợi dụng sự sơ hở của chị Ph không có ở trong nhà, H liền lên vào vào buồng ngủ của gia đình chị Ph đến mở cửa tủ quần áo của gia đình chị Ph. Phát hiện tại ngăn thứ hai của tủ quần áo có một túi da đen nhỏ, H mở ra phát hiện bên trong có một hộp nhựa màu đỏ, kiểm tra biết là có vàng bạc. Nên H cầm lấy cho vào túi quần bên phải đang mặc và đi bộ nhanh ra khỏi nhà chị Ph đi theo hướng từ xã T lên xã B, huyện Q. Trên đường đi bộ H mở hộp nhựa vừa trộm cắp được ra kiểm tra bên trong có 03 (ba) chiếc nhẫn vàng loại một chỉ một cái.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày H đi bộ vào quán điện tử của anh Nguyễn Văn Ngh. Sinh năm: 1995. Trú tại: bản P, xã B để chơi game (xèng), tại đây Hoàng lấy một chiếc nhẫn ra và hỏi Ngh: “đây là nhẫn của em, anh có mua

không?”, Ngh đồng ý mua với giá: 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). H trả tiền chơi game số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), nhận lại số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để tiêu sài cá nhân.

Sau khi ra khỏi quán trên đường đi H gặp Lương Văn S. Sinh năm: 1984. Trú tại tại bản C, xã C, huyện Q. H đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36H5-019.69 của S số tiền là: 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) (là tiền do H bán vàng mà có).

Khoảng 16 giờ ngày 05/12/2020 H điều khiển xe mô tô của Lương Văn S cầm cố đi đến thị trấn M, huyện M, tỉnh T. H bán cho anh Đỗ Viết Ngh sinh năm 1969, trú tại khu 2, thị trấn M (sau này H mới biết tên): 01 (một) chiếc nhẫn vàng (loại nhẫn hoa) với giá 5.100.000đ (năm triệu một trăm nghìn đồng).

Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 06/12/2020 H đi đến thị trấn M, huyện M, tỉnh H bán 01 (một) chiếc nhẫn vàng còn lại (loại nhẫn hình kim tiền) cho anh Trương Vĩnh Ch sinh năm 1954 trú tại tiểu khu 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh H (sau này H mới biết tên), là chủ cửa hàng vàng bạc được 5.180.000đ (năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền mà H bán ba chiếc nhẫn vàng lấy trộm của chị Ph là 12.780.000đ (mười hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). H đã chi tiêu, sinh hoạt cá nhân hết 6.528.000đ (sáu triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng), số tiền còn lại là 6.252.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Đến 16h40 phút ngày 06/12/2020 Hà Văn H đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q để đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản là ba chiếc nhẫn vàng của gia đình chị Ph như đã nêu ở trên .

Ngày 10/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã ra văn bản yêu cầu định giá tài sản đối với tài sản đã trộm cắp của gia đình chị Ph.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 16/HĐĐGTS ngày 10/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Quan Hóa kết luận: 03 (ba) chiếc nhẫn có đặc điểm: 01 (một) nhẫn hoa, làm bằng kim loại, hình tròn, màu vàng. 01 (một) nhẫn kim tiền, làm bằng kim loại, hình tròn, màu vàng; 01 (một) nhẫn tròn trơn, làm bằng kim loại, hình tròn, màu vàng có tổng giá trị bằng tiền là: 15.200.000đ (mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án:

Số tiền: 6.252.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng) gồm nhiều tờ tiền polime có mệnh giá khác nhau, tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành là số tiền H bán ba chiếc nhẫn vàng có được còn lại. Cơ quan điều tra Công an huyện Quan Hóa đã trả lại cho người bị hại trong vụ án là chị Hà Thị Ph.

01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 36H5-01969, nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERSX, số khung RLHJC5232CY501624, số máy JC52E-5258756, xe cũ đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định chủ xe đăng ký tên Lương Minh Th Trú tại bản C, xã Tr, huyện Q(là bố đẻ của Lương Văn S - người cầm cố xe cho Hoàng, hiện ông Th đã chết). Cơ quan điều tra Công an huyện Quan Hóa đã trả lại tài sản hợp pháp cho chủ sở hữu là Lương Văn S.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại số tiền 6.252.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng) bị hại Hà Thị Ph không yêu cầu gì về phần bồi thường đối với bị cáo

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận định giá.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSQH- HS ngày 02 tháng 02 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Hà Văn Hoàng về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, điều 38 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/12/2020.

Ngoài ra, Đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết những vấn đề khác trong vụ án như xử lý về án phí.

Ý kiến của bị hại: Bị hại đã nhận lại một phần giá trị tài sản, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì.

Quan điểm của người bào chữa: Người bào chữa thống nhất với quan điểm của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo luôn tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đầu thú; bị hại Hà Thị Ph có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo là

người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Từ những căn cứ trên, người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s, khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52 BLHS 2015, xử phạt bị cáo một mức án thấp của khung hình phạt, để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng thành người công dân có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì.

[2] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp với báo cáo của bị hại, Kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã có hành vi lén lút vào nhà bị hại Hà Thị Ph trộm cắp 03 (ba) chiếc nhẫn vàng trị giá là 15.200.000 (mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ căn cứ khoản 1 Điều 173 BLHS 2015. Quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân được pháp luật bảo vệ; làm phức tạp tình hình an ninh, trật tự tại địa phương; gây hoang mang, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân. bị cáo ý thức rõ được hành vi của mình bị pháp luật ngăn cấm, nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; Do đó, hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm để đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] *Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:* Bị cáo có tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm

2015 là thuộc trường hợp tái phạm;. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo ra đầu thú; bị hại Hà Thị Ph có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, Do đó, cần áp dụng các quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về hình phạt chính:* Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại khoản 1, Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51BLHS; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội. Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có thể để bị cáo nhận ra lỗi lầm, cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, do đó không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về bồi thường dân sự:* Bị hại không có yêu cầu gì HĐXX miễn xét.

[8] *Về các tình tiết khác trong vụ án:*

+ Nguyễn Văn N, Đỗ Viết Ng và Trương Vĩnh Ch là những người đã mua nhẫn vàng của H sau đó đã bán cho những người không quen biết. N, Ngh, Ch không biết nhẫn vàng do H trộm cắp có. Vì vậy không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn N, Đỗ Viết Ngh và Trương Vĩnh Ch.

+ Đối với số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) là số tiền H đã đưa cho Lương Văn S, H không yêu cầu anh S phải bồi thường lại cho H số tiền trên

[9] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 331, 333 BLTTHS; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. *Tuyên:* Bị cáo **Hà Văn H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

2. *Xử phạt*: Bị cáo Hà Văn H **16 (Mười sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/12/2020

3. *Về án phí*: Bị cáo Hà Văn H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, bị hại. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ nội dung bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện Quan Hóa;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Thanh Hóa;;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lữ Thị Mai